

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 40



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/08/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Dân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đức Liêm	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Số: 682 /2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2019, từ trang 04 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ .

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Đình Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.665.388.450.080	1.898.066.586.770
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	58.492.905.554	186.336.871.446
1. Tiền	111		45.492.905.554	112.336.871.446
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	74.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		670.866.282.538	896.187.548.021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	523.272.408.614	752.908.623.229
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		78.353.043.961	79.506.278.054
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	69.240.829.963	63.772.646.738
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	892.989.721.793	755.793.277.631
1. Hàng tồn kho	141		895.668.898.112	758.472.453.950
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.679.176.319)	(2.679.176.319)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		43.039.540.195	59.748.889.672
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	14.518.560.504	12.098.334.859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.292.314.183	45.887.162.291
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	7.228.665.508	1.763.392.522
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		576.682.761.141	597.860.136.488
I Các khoản phải thu dài hạn	210		17.075.220.000	23.392.481.961
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	17.075.220.000	23.392.481.961
II Tài sản cố định	220		271.500.822.226	275.667.158.269
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	249.915.229.420	254.495.262.020
- Nguyên giá	222		749.207.126.772	737.988.924.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(499.291.897.352)	(483.493.662.249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	21.585.592.806	21.171.896.249
- Nguyên giá	228		45.229.680.113	42.517.700.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.644.087.307)	(21.345.803.783)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.641.619.728	1.220.806.728
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.641.619.728	1.220.806.728
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	249.958.937.476	257.458.937.476
1. Đầu tư vào công ty con	251		139.535.268.520	139.535.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		76.716.920.657	84.216.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.706.748.299	33.706.748.299
VI Tài sản dài hạn khác	260		35.506.161.711	40.120.752.054
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	35.506.161.711	40.120.752.054
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.242.071.211.221	2.495.926.723.258

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.921.772.479.394	2.157.013.503.605
I- Nợ ngắn hạn	310		1.833.115.964.295	2.066.430.794.038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	276.369.812.752	345.499.611.390
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.308.981.317	10.178.541.526
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	5.813.518.770	6.841.248.517
4. Phải trả người lao động	314		76.229.529.880	141.428.086.567
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	18.129.441.937	28.733.732.765
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	8.838.003.601	23.145.281.738
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	22.340.128.732	15.468.037.348
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.398.304.190.677	1.475.022.665.226
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.782.356.629	20.113.588.961
II- Nợ dài hạn	330		88.656.515.099	90.582.709.567
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	1.004.943.120	1.464.192.588
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	26.029.723.468	25.029.723.468
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	3.818.635.092	3.885.580.092
4. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	57.803.213.419	60.203.213.419
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		320.298.731.827	338.913.219.653
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	320.298.731.827	338.913.219.653
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.898.834.114	125.513.321.940
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		80.013.321.940	63.504.214.438
- LNST chưa phân phối kì này	421b		26.885.512.174	62.009.107.502
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.242.071.211.221	2.495.926.723.258

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

Võ Nguyễn Thùy Dung

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 năm 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	1.405.958.335.848	1.555.448.742.853
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	10.021.489.166	8.294.047.585
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	1.395.936.846.682	1.547.154.695.268
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	1.089.109.660.366	1.215.252.964.852
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		306.827.186.316	331.901.730.416
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	35.912.574.687	17.825.686.396
7. Chi phí tài chính	22	5.19	35.789.254.953	26.312.852.283
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.422.187.859	19.577.164.508
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	141.196.498.301	147.717.276.602
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	132.115.692.707	135.520.274.580
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		33.638.315.042	40.177.013.347
11. Thu nhập khác	31	5.22	7.745.259.649	1.323.042.709
12. Chi phí khác	32	5.22	3.375.709.332	72.213.117
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		4.369.550.317	1.250.829.592
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		38.007.865.359	41.427.842.939
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	3.484.539.843	6.794.513.908
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		34.523.325.516	34.633.329.031

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

Võ Nguyễn Thùy Dung

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	38.007.865.359	41.427.842.939
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	31.561.921.800	29.624.169.812
- Các khoản dự phòng	3	-	(358.124.915)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(28.024.431.171)	(11.934.028.988)
- Chi phí lãi vay	6	28.422.187.859	19.577.164.508
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	69.967.543.847	78.337.023.356
- Biến động các khoản phải thu	9	261.737.326.901	31.815.795.876
- Biến động hàng tồn kho	10	(138.947.239.084)	(160.334.170.853)
- Biến động các khoản phải trả	11	(158.297.366.432)	(57.636.640.954)
- Biến động chi phí trả trước	12	2.194.364.698	7.072.123.800
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.422.187.859)	(19.577.164.508)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.947.715.076)	(8.909.549.347)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.969.045.674)	(7.082.134.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(11.684.318.679)</i>	<i>(136.314.716.630)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(29.178.788.884)	(33.834.963.301)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.237.787.588	7.758.807.690
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(9.777.068.246)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.500.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.899.828.632	11.010.618.078
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>8.458.827.336</i>	<i>(24.842.605.779)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.448.209.728.728	1.674.411.776.465
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.527.328.203.277)	(1.446.946.257.523)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.500.000.000)	(29.524.650.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(124.618.474.549)</i>	<i>197.940.868.942</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>(127.843.965.892)</i>	<i>36.783.546.533</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	186.336.871.446	103.977.942.158
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	58.492.905.554	140.761.488.691

Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 08 năm 2019
Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

Võ Nguyễn Thùy Dung

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/08/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn tại ngày 30/06/2019:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Các cổ đông khác	13.160.000	131.600.000.000	72,31%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/06/2019: 4.628 người (tại ngày 31/12/2018 là: 4.404 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm dệt;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2019, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>
<u>Công ty con</u>		
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Gia công hàng may mặc	51,00%
Công ty CP May Đà Lạt	Gia công hàng may mặc	55,00%
Công ty CP May Bình Định	Gia công hàng may mặc	51,84%
Công ty CP May Tam Quan	Gia công hàng may mặc	51,00%
Công ty CP May Gia Lai	Gia công hàng may mặc	51,00%
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Hoàn thiện sản phẩm dệt	82,35%
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Gia công hàng may mặc	55,69%
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	Kinh doanh bất động sản	51,57%
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Gia công hàng may mặc	60,00%
<u>Công ty liên kết</u>		
Công ty CP May 9	Gia công hàng may mặc	26,78%
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Dịch vụ vận tải	28,58%
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%
Công ty CP May An Nhơn	Gia công hàng may mặc	45,90%
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Xây dựng công trình	29,99%
Công ty CP May Sông Tiền	Gia công hàng may mặc	43,89%
Công ty CP Du lịch NBC Cam Bình Resort	Kinh doanh địa điểm lưu trú	45,43%
Công ty CP May Gia Phúc	Gia công hàng may mặc	47,50%
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	Gia công hàng may mặc	36,00%
<u>Các đơn vị trực thuộc</u>		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum		
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định		
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng		
Chi Nhánh 3 – Tổng công May Nhà Bè – CTCP tại Hà Nội		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hải Phòng		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Nam Định		
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại UK		

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ Kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/06/2019.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/06/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

**Cho kỳ kế toán 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2019
(Số năm)**

Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí khuyến mãi, chiết khấu; Chi phí nguyên vật liệu: vải chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con, Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	5.430.789.788	3.529.982.088
Tiền gửi ngân hàng	27.274.615.766	108.806.889.358
Tiền đang chuyển	12.787.500.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	13.000.000.000	74.000.000.000
Tổng	58.492.905.554	186.336.871.446

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4. Lãi suất tiền gửi từ 4%/năm đến 5.3%/năm.

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	523.272.408.614	752.908.623.229
Motives (Far East) Ltd.	20.261.368.481	88.854.234.747
JC Penney Purchasing Corporation	17.836.339.126	37.368.558.785
Arcadia Group Brands Ltd.	22.976.108.420	36.819.801.811
BMB Clothing Group	23.012.053.782	31.002.645.249
Generos De Punto Victrix, S.L.	31.628.213.466	29.340.037.927
Primark Store Ltd	6.707.891.756	10.568.211.664
River Island Clothing Co., Ltd.	9.295.578.865	24.501.733.850
Công ty CP May Gia Phúc	52.582.025.468	40.623.515.573
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Nam – Vinatex	38.786.265.179	29.250.061.124
Công ty CP May Đức Linh	37.159.151.729	37.117.549.729
Phải thu các đối tượng khác	263.027.412.342	387.462.272.770
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	523.272.408.614	752.908.623.229

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN**5.3 Phải thu khác**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	69.240.829.963	-	63.772.646.738	-
- Phải thu bảo hiểm	4.397.872.455	-	3.929.335.429	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Sóc Trăng	-	-	14.472.300	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Đức Linh 2	-	-	847.413.953	-
- Công ty CP May Hoài Ân	1.014.191.780	-	2.020.901.409	-
- Công ty CP May Phù Cát	845.370.000	-	-	-
- Phải thu tạm ứng	2.006.391.569	-	2.189.751.157	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	40.687.438.307	-	36.277.133.575	-
- Ký quỹ, ký cược	3.025.249.726	-	200.209.750	-
- Phải thu khác	12.343.205.504	-	17.911.080.332	-
- Phải thu người lao động	4.921.110.622	-	382.348.833	-
Dài hạn	17.075.220.000	-	23.392.481.961	-
- Ký quỹ, ký cược	-	-	20.000.000	-
- Công ty CP May Phù Cát	5.072.220.000	-	6.340.275.000	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	12.000.000.000	-	14.243.212.329	-
- Đặt cọc thuê mặt bằng	-	-	2.785.994.632	-
- Phải thu khác	3.000.000	-	3.000.000	-
Tổng	86.316.049.963	-	87.165.128.699	-

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	529.844.722	-	277.133.722	-
Nguyên liệu, vật liệu	308.643.069.460	(2.542.359.180)	271.040.761.394	(2.542.359.180)
Công cụ, dụng cụ	118.462.092	-	128.333.137	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	403.844.133.386	-	316.393.007.166	-
Thành phẩm	82.467.043.687	-	64.487.921.278	-
Hàng hóa	11.414.267.322	(136.817.139)	9.341.784.610	(136.817.139)
Hàng gửi bán	88.652.077.443	-	96.803.512.643	-
Tổng	895.668.898.112	(2.679.176.319)	758.472.453.950	(2.679.176.319)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN**5.5 Chi phí trả trước**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	14.518.560.504	12.098.334.859
Chi phí bảo hiểm	1.157.750.615	1.901.488.882
Chi phí công cụ dụng cụ	1.712.746.634	839.393.404
Máy móc thiết bị	1.256.651.441	86.440.758
Chi phí phụ tùng	793.141.525	775.602.687
Chi phí quảng cáo	1.027.866.562	809.392.635
Chi phí sửa chữa	2.163.005.399	611.355.625
Chi phí thuê mặt bằng	4.192.093.353	4.839.456.840
Khác	2.215.304.975	2.235.204.028
b) Dài hạn	35.506.161.711	40.120.752.054
Chi phí thuê đất	14.480.201.602	15.071.321.044
Chi phí công cụ dụng cụ	5.291.060.805	7.383.152.489
Chi phí quảng cáo	55.522.628	203.935.784
Chi phí sửa chữa	9.765.524.971	10.854.265.219
Chi phí phụ tùng	985.184.003	-
Máy móc thiết bị	3.597.717.303	5.767.700.046
Khác	1.330.950.399	840.377.472
Tổng	50.024.722.215	52.219.086.913

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	235.928.433.235	404.528.518.872	89.883.424.704	7.648.547.458	737.988.924.269
Tăng trong kỳ	-	24.759.086.713	-	286.909.090	25.045.995.803
Mua trong kỳ	-	24.759.086.713	-	286.909.090	25.045.995.803
Giảm trong kỳ	-	13.827.793.300	-	-	13.827.793.300
Thanh lý nhượng bán	-	13.827.793.300	-	-	13.827.793.300
Số dư tại 30/06/2019	<u>235.928.433.235</u>	<u>415.459.812.285</u>	<u>89.883.424.704</u>	<u>7.935.456.548</u>	<u>749.207.126.772</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	147.586.129.734	262.893.214.468	66.511.744.957	6.502.573.090	483.493.662.249
Tăng trong kỳ	5.944.962.712	20.725.893.951	2.360.990.775	231.790.838	29.263.638.276
Khấu hao trong kỳ	5.944.962.712	20.725.893.951	2.360.990.775	231.790.838	29.263.638.276
Giảm trong kỳ	-	13.465.403.173	-	-	13.465.403.173
Thanh lý nhượng bán	-	13.465.403.173	-	-	13.465.403.173
Số dư tại 30/06/2019	<u>153.531.092.446</u>	<u>270.153.705.246</u>	<u>68.872.735.732</u>	<u>6.734.363.928</u>	<u>499.291.897.352</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	<u>88.342.303.501</u>	<u>141.635.304.404</u>	<u>23.371.679.747</u>	<u>1.145.974.368</u>	<u>254.495.262.020</u>
Tại ngày 30/06/2019	<u>82.397.340.789</u>	<u>145.306.107.039</u>	<u>21.010.688.972</u>	<u>1.201.092.620</u>	<u>249.915.229.420</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2019: 285.394.243.573 VND (tại ngày 31/12/2018: 259.424.750.128 VND).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

STT	Tên công ty	Tỷ lệ			30/06/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Đầu tư vào Công ty con				139.535.268.520	-	-	139.535.268.520	-	-
1	Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	1.275.000	12.750.000.000	-	-	12.750.000.000	-	-
2	Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%	581.760	5.817.648.520	-	-	5.817.648.520	-	-
3	Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%	1.197.540	11.535.620.000	-	-	11.535.620.000	-	-
4	Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%	1.530.000	15.300.000.000	-	-	15.300.000.000	-	-
5	Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%	765.000	7.650.000.000	-	-	7.650.000.000	-	-
6	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	82,35%	82,35%	1.400.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	-	-
7	Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	55,69%	55,69%	2.778.200	27.782.000.000	-	-	27.782.000.000	-	-
8	Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	51,57%	51,57%	1.470.000	14.700.000.000	-	-	14.700.000.000	-	-
9	Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	60,00%	60,00%	3.000.000	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-	-
	Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				76.716.920.657	-	-	84.216.920.657	-	-
1	Công ty CP May 9	26,78%	26,78%	401.625	5.227.920.657	-	-	5.227.920.657	-	-
2	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	28,58%	28,58%	6.858	3.429.000.000	-	-	3.429.000.000	-	-
3	Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000	-	-
4	Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%	918.000	9.180.000.000	-	-	9.180.000.000	-	-
5	Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	300.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
6	Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	15.360.000.000	-	-	15.360.000.000	-	-
7	Công ty CP Du lịch NBC Cam Bình Resort	45,43%	45,43%	1.440.000	14.400.000.000	-	-	14.400.000.000	-	-
8	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	0,00%	0,00%	-	-	-	-	7.500.000.000	-	-
9	Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	47,50%	950.000	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000	-	-
10	Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	1.512.000	15.120.000.000	-	-	15.120.000.000	-	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

STT	Tên công ty	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ Số lượng	30/06/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
					Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Đầu tư vào đơn vị khác				33.706.748.299	-	-	33.706.748.299	-	-
1	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	2,61%	2,61%	548.550	5.337.100.000	-	-	5.337.100.000	-	-
2	Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	576.480	5.802.843.385	-	-	5.802.843.385	-	-
3	Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	716.192	7.161.920.000	-	-	7.161.920.000	-	-
4	Công ty CP Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	348.000	3.480.000.000	-	-	3.480.000.000	-	-
5	Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%	325.000	4.225.000.000	-	-	4.225.000.000	-	-
6	Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%	525.000	5.250.000.000	-	-	5.250.000.000	-	-
7	Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	8,82%	8,82%	191.320	2.449.884.914	-	-	2.449.884.914	-	-
	Tổng				249.958.937.476	-	-	257.458.937.476	-	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư đề thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	276.369.812.752	276.369.812.752	345.499.611.390	345.499.611.390
Công ty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	9.205.690.166	9.205.690.166	12.396.734.274	12.396.734.274
Công ty CP May Gia Lai	13.210.867.597	13.210.867.597	15.760.441.720	15.760.441.720
Công ty CP May Nhà Bè-Hậu Giang	11.583.023.428	11.583.023.428	16.528.525.467	16.528.525.467
Công ty CP May Phù Cát	6.685.302.153	6.685.302.153	13.437.749.135	13.437.749.135
Công ty CP May Tam Quan	5.653.121.360	5.653.121.360	17.372.053.288	17.372.053.288
Kufner Hong Kong Ltd.	9.767.596.674	9.767.596.674	13.352.482.590	13.352.482.590
Motives (Far East) Ltd.	14.414.814.094	14.414.814.094	13.144.406.811	13.144.406.811
Phải trả các nhà cung cấp khác	205.849.397.280	205.849.397.280	243.507.218.105	243.507.218.105
b) Dài hạn	1.004.943.120	1.004.943.120	1.464.192.588	1.464.192.588
Công ty CP Long Phương Đông	1.004.943.120	1.004.943.120	1.464.192.588	1.464.192.588
Tổng	277.374.755.872	277.374.755.872	346.963.803.978	346.963.803.978

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2018 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.131.255.185	12.660.280.643	14.373.234.254	2.418.301.574
Thuế XNK	151.529.181	626.263.940	777.793.121	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.274.414.081	7.290.678.385	7.936.934.154	1.628.158.312
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.470.881	12.470.881	-
Thuế môn bài	-	23.000.000	23.000.000	-
Thuế bảo vệ môi trường và thuế khác	-	32.152.778	32.152.778	-
Thuế nhà thầu	-	144.708.867	144.708.867	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	284.050.070	3.746.638.511	2.263.629.697	1.767.058.884
Tổng	6.841.248.517	24.536.194.005	25.563.923.752	5.813.518.770
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	439.048	1.842.452.796	1.844.550.549	2.536.801
Thuế xuất, nhập khẩu	1.720.079.605	839.876.545	839.876.545	1.720.079.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.873.869	3.484.539.843	8.947.715.076	5.506.049.102
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	2.394.983.882	2.394.983.882	-
Tổng	1.763.392.522	8.561.853.066	14.027.126.052	7.228.665.508

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	18.129.441.937	28.733.732.765
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	9.899.072.989	22.090.762.487
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	928.501.488	1.363.354.677
Chi phí điện, nước, vận chuyển	5.327.569.791	4.738.575.604
Chi phí phải trả khác	1.974.297.669	541.039.997
b) Dài hạn	-	-
Tổng	18.129.441.937	28.733.732.765

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN**5.12 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	8.838.003.601	23.145.281.738
Doanh thu nhận trước	8.838.003.601	23.145.281.738
b) Dài hạn	26.029.723.468	25.029.723.468
Doanh thu nhận trước	26.029.723.468	25.029.723.468
Tổng	<u>34.867.727.069</u>	<u>48.175.005.206</u>

5.13 Phải trả khác

	30/06/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	22.340.128.732	15.468.037.348
Kinh phí công đoàn	3.244.009.965	1.377.968.479
Bảo hiểm xã hội	5.966.251.350	549.238.324
Bảo hiểm y tế	3.068.782.796	2.657.417.760
Bảo hiểm thất nghiệp	1.029.736.948	892.793.111
Phải trả khác	9.031.347.673	9.990.619.674
- Công ty CP May Gia Lai	3.727.693.666	3.696.897.250
- Công ty CP May Cửu Long	1.174.114.171	1.174.114.171
- Phải trả khác	4.129.539.836	5.119.608.253
b) Dài hạn	3.818.635.092	3.885.580.092
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Cụm Công nghiệp Tam Quan	1.141.235.092	1.141.235.092
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.677.400.000	2.744.345.000
Tổng	<u>26.158.763.824</u>	<u>19.353.617.440</u>

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2019 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.398.304.190.677	1.398.304.190.677	1.450.609.728.728	1.527.328.203.277	1.475.022.665.226	1.475.022.665.226
<i>Vay ngắn hạn</i>	1.382.771.408.281	1.382.771.408.281	1.448.209.728.728	1.506.707.970.882	1.441.269.650.435	1.441.269.650.435
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	223.721.150.690	223.721.150.690	280.634.727.525	801.082.188.587	744.168.611.752	744.168.611.752
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (2)	453.405.947.003	453.405.947.003	441.585.320.109	187.384.775.409	199.205.402.303	199.205.402.303
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	145.087.112.515	145.087.112.515	145.126.847.714	96.144.692.585	96.104.957.386	96.104.957.386
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (4)	40.162.430.109	40.162.430.109	40.435.436.183	46.502.564.720	46.229.558.646	46.229.558.646
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn (5)	108.208.127.774	108.208.127.774	108.457.018.801	229.632.370.535	229.383.479.508	229.383.479.508
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	-	-	19.432.330.387	66.727.515.446	47.295.185.059	47.295.185.059
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (6)	357.738.329.243	357.738.329.243	358.089.737.062	79.233.863.600	78.882.455.781	78.882.455.781
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (7)	54.448.310.947	54.448.310.947	54.448.310.947	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	15.532.782.396	15.532.782.396	2.400.000.000	20.620.232.395	33.753.014.791	33.753.014.791
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (8)	8.605.965.185	8.605.965.185	2.400.000.000	13.818.850.000	20.024.815.185	20.024.815.185
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (9)	6.926.817.211	6.926.817.211	-	6.801.382.395	13.728.199.606	13.728.199.606
b) Vay dài hạn	57.803.213.419	57.803.213.419	-	2.400.000.000	60.203.213.419	60.203.213.419
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (8)	16.327.435.000	16.327.435.000	-	2.400.000.000	18.727.435.000	18.727.435.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (9)	41.475.778.419	41.475.778.419	-	-	41.475.778.419	41.475.778.419
Tổng	1.456.107.404.096	1.456.107.404.096	1.450.609.728.728	1.529.728.203.277	1.535.225.878.645	1.535.225.878.645

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty là là khoản vay có thời hạn cho vay dưới 12 tháng, và không có tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay. Danh sách cụ thể như sau:

[1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: Hợp đồng tín dụng số 0026/1928/N-CTD ngày 05/06/2019. Hạn mức cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu, phát hành thư tín dụng là: 600.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 16/05/2020. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động.

[2] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4: Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT908-NHABECO ký ngày 04/05/2018. Hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức các khoản tín dụng đến hết ngày 30/04/2019. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

[3] Ngân hàng TMCP Á Châu: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.1775.110719 ngày 03/01/2019. Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND hoặc USD tương đương. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu.

[4] Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: Hợp đồng tín dụng số 181069 ngày 30/11/2018. Hạn mức cho vay, tín dụng chứng từ là 3.000.000 USD. Thời hạn của hạn mức tín dụng đến ngày 31/10/2019. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

[5] Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn: Hợp đồng tín dụng số 03/18/HĐTD-HM/TTKD ngày 16/08/2018. Hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD hoặc VND tương đương. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

[6] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng số 01/2018/93189/HĐTD ngày 16/10/2018. Hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND. Thời hạn của hạn mức tín dụng kéo dài kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 30/09/2019. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động/ bảo lãnh, mở L/C.

[7] Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: Hợp đồng tín dụng số 0898/19/TD/1 ngày 07/05/2019. Hạn mức cho vay là 55.000.000.000 VND. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 07/05/2019 đến ngày 07/05/2020. Mục đích sử dụng là tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu.

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty là các khoản vay có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 60 tháng. Danh sách cụ thể như sau:

[8] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm các Hợp đồng vay số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27/02/2014, hạn mức vay không vượt quá 18.072.753.342 VND; Hợp đồng vay số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06/10/2014, hạn mức vay 5.690.000 USD. Mục đích vay để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng hợp đồng thế chấp bằng chính tài sản được hình thành từ vốn vay.

[8] Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: gồm các Hợp đồng vay số 01/2018-HĐCVDDADDT/NHCT908-NHABECO ngày 04/06/2018, hạn mức vay không vượt quá 32.000.000.000 VND; Hợp đồng vay số 01/2017-HĐCVDADT-SĐBS02/NHCT908-NBC ngày 21/04/2017, hạn mức vay không vượt quá 21.300.000.000 VND; Hợp đồng vay số 02/2017-HĐCVDADT-SĐBS02/NHCT908-NBC ngày 18/09/2017, hạn mức vay không vượt quá 36.000.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lệ theo quy định. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017-HĐTC MMTB/NHCT908 và cam kết bảo lãnh bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.15 **Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	182.000.000.000	31.399.897.713	109.004.214.438	322.404.112.151
Tăng trong năm	-	-	73.820.366.076	73.820.366.076
Lợi nhuận sau thuế	-	-	73.820.366.076	73.820.366.076
Giảm trong năm	-	-	57.311.258.574	57.311.258.574
Chia cổ tức năm 2017	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng	-	-	8.120.240.268	8.120.240.268
Quỹ phúc lợi	-	-	3.691.018.304	3.691.018.304
Giảm khác	-	-	2	2
Số dư tại 31/12/2018	182.000.000.000	31.399.897.713	125.513.321.940	338.913.219.653
Số dư tại 01/01/2019	182.000.000.000	31.399.897.713	125.513.321.940	338.913.219.653
Tăng trong kỳ	-	-	34.523.325.516	34.523.325.516
Lợi nhuận sau thuế	-	-	34.523.325.516	34.523.325.516
Giảm trong kỳ	-	-	53.137.813.342	53.137.813.342
Chia cổ tức năm 2018 (*)	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng (*)	-	-	1.590.088.960	1.590.088.960
Quỹ phúc lợi (*)	-	-	722.767.709	722.767.709
Giảm khác	-	-	5.324.956.673	5.324.956.673
Số dư tại 30/06/2019	182.000.000.000	31.399.897.713	106.898.834.114	320.298.731.827

(*) Căn cứ trên Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 24/2019/HĐQT ngày 17/05/2019, Tổng Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2018, và tạm trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ Phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2019.



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN

5.15 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2019	Tỷ lệ	01/01/2019	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Các cổ đông khác	131.600.000.000	72,31%	131.600.000.000	72,31%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức đã chia	45.500.000.000	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.399.897.713	31.399.897.713
Tổng	31.399.897.713	31.399.897.713

5.16 **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.405.958.335.848	1.555.448.742.853
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.393.108.070.918	1.473.413.100.734
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.850.264.930	82.035.642.119
Các khoản giảm trừ doanh thu	10.021.489.166	8.294.047.585
Chiết khấu thương mại	843.630.780	825.918.457
Hàng bán bị trả lại	9.177.858.386	7.468.129.128
Doanh thu thuần	1.395.936.846.682	1.547.154.695.268

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.087.701.203.717	1.179.475.479.642
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.408.456.649	35.777.485.210
Tổng	1.089.109.660.366	1.215.252.964.852

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.902.806.556	121.167.000
Lãi cho vay	1.350.844.798	307.746.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.646.177.278	10.581.705.078
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.012.746.055	6.815.068.318
Tổng	35.912.574.687	17.825.686.396

5.19 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền vay	28.422.187.859	19.577.164.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.367.067.094	6.735.687.775
Tổng	35.789.254.953	26.312.852.283

5.20 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên	31.146.857.553	33.757.960.561
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.019.704.408	2.430.058.313
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.904.381.524	1.763.814.387
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.843.508.411	1.281.701.757
Thuế, phí, lệ phí	80.294.090	88.001.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.405.318.599	98.751.278.385
Chi phí bằng tiền khác	8.796.433.716	9.644.462.109
Tổng	141.196.498.301	147.717.276.602

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	81.530.103.987	81.533.555.083
Chi phí vật liệu quản lý	5.350.646.395	6.391.437.620
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.477.375.163	2.102.421.980
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.224.776.887	8.363.933.112
Thuế phí và lệ phí	472.981.614	1.217.345.089
Chi phí dự phòng	-	435.863.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.350.050.267	16.469.525.246
Chi phí bằng tiền khác	16.709.758.394	19.006.192.949
Tổng	132.115.692.707	135.520.274.580

5.22 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	875.397.461	923.410.910
Thu hồi nguyên vật liệu	-	92.491.913
Xử lý chênh lệch gia công	-	15.805.094
Thu nhập do xử lý công nợ	1.638.931	59.456
Khác	6.868.223.257	291.275.336
Tổng	7.745.259.649	1.323.042.709
<i>Chi phí khác</i>		
Xử lý chênh lệch gia công	670.858.806	59.820
Các khoản phạt	2.681.177.703	6.365.129
Khác	23.672.823	65.788.168
Tổng	3.375.709.332	72.213.117
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	4.369.550.317	1.250.829.592

TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.007.865.359	41.427.842.939
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế</i>	<i>5.061.011.135</i>	<i>3.126.431.679</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.979.308.430</i>	<i>2.641.546.504</i>
<i>Chi phí khấu hao vượt định mức</i>	<i>400.525.002</i>	<i>474.625.000</i>
<i>Các khoản phạt</i>	<i>2.681.177.703</i>	<i>10.260.175</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế</i>	<i>25.646.177.278</i>	<i>10.581.705.078</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>25.646.177.278</i>	<i>10.581.705.078</i>
Thu nhập chịu thuế	17.422.699.216	33.972.569.540
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	<u>3.484.539.843</u>	<u>6.794.513.908</u>

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	603.720.414.125	751.546.489.738
Chi phí nhân công	285.387.106.285	352.262.959.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.918.515.466	29.238.563.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	452.724.903.430	349.011.115.422
Chi phí khác bằng tiền	14.128.663.339	16.431.387.394
Tổng	<u>1.386.879.602.645</u>	<u>1.498.490.516.034</u>

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch bán hàng trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	260.256.364	206.770.000
		Khác	124.816.000	12.000.000
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Quần áo	13.663.640	4.090.900
		Điện, ăn, nước, thuê máy	-	1.071.000
		Khác	52.219.875	7.785.755
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Quần áo	-	1.376.818
		Điện, ăn, nước, thuê máy	17.454.497	13.923.669
		Tiền thuê nhà	144.835.200	142.634.700
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	6.900.000	10.212.000
		Khác	111.624.177	12.000.000
		Thiết bị các loại	377.272.728	-
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	900.000
		Nguyên phụ Liệu	105.305.500	117.370.900
		Khác	62.721.300	10.650.000
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	900.000.000	900.000.000
		Khác	52.103.088	4.409.091
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo	363.069.272	16.620.000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	858.000	-
		Khác	202.404.340	3.752.979
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên kết	Quần áo	12.969.336.263	4.647.055.400
		Khác	7.130.000	7.130.000
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Quần áo	9.632.727	7.929.259
		Điện, ăn, nước, thuê máy	24.222.000	-
		Nguyên phụ liệu	-	66.598.646
		Khác	125.571.037	127.486.919
		Thiết bị các loại	-	9.740.406.105
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên kết	Quần áo	53.872.866	-
		Khác	33.550.000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch bán hàng trong kỳ (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
Chi nhánh Công ty CP Truyền thông và Du lịch NBC	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	7.437.208
		Tiền thuê nhà	-	11.764.500
		Khác	-	1.517.100
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	34.670.276	117.054.222
		Tiền thuê nhà	221.021.600	163.159.325
		Khác	9.875.000	17.000.000
		Thiết bị các loại	22.700.000	-
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Quần áo	-	5.450.000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	36.438.628	62.848.996
		Tiền thuê nhà	299.640.000	299.640.000
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Quần áo	22.222.728	1.054.545
		Điện, ăn, nước, thuê máy	28.068.063	36.039.121
		Tiền thuê nhà	139.260.000	212.836.350
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên kết	Quần áo	21.004.004	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	14.560.000	4.080.000
		Nguyên phụ liệu	78.472.727	12.627.272
		Khác	439.344.150	9.400.000
Chi nhánh Công ty CP May Sông Tiền - Xí nghiệp May An Giang	Công ty liên kết	Quần áo	11.314.545	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	20.009.000	20.020.000
		Khác	62.964.145	3.340.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua hàng trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Gia công	11.542.121.682	8.657.106.592
		Hoa hồng	86.364.275	62.030.999
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Gia công	36.364.666.355	24.661.054.788
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Gia công	9.248.445.925	6.706.748.728
		Khác	47.520.000	-
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Gia công	41.057.369.622	34.284.543.379
		Phí vận chuyển	-	37.989.091
		Khác	-	14.727.273
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Gia công	49.008.243.767	34.823.966.067
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Gia công	54.335.758	161.545.801
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Gia công	50.425.119.929	38.104.114.384
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Gia công	42.061.598.179	28.095.203.052
		Phí vận chuyển	-	18.181.818
Công ty CP Du Lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	Thiết bị các loại	-	46.929.992
		Công cụ, dụng cụ	-	12.350.000
		Phí vận chuyển	-	691.322.500
		Khác	-	1.365.770.462
		Văn phòng phẩm	6.169.135	17.800.000
		Quảng cáo	5.000.000	2.270.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Phí vận chuyển	20.572.636.860	23.645.913.824
		Khác	49.003.209.666	59.438.338.057
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Thiết bị các loại	7.621.347.000	11.327.072.000
		Dịch vụ bảo trì	1.600.000	1.600.000
		Công cụ, dụng cụ	7.080.000	-
		Khác	-	9.540.000
		Văn phòng phẩm	-	1.940.000
		Sửa chữa	-	4.600.000
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Thiết bị các loại	-	1.477.838.880
		Công cụ, dụng cụ	1.622.160.048	-
		Khác	-	2.376.799.280
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên kết	Sửa chữa	28.181.800	81.758.408
		Gia công	-	968.284.147
Chi nhánh Công ty CP May Sông Tiền - Xi nghiệp May An Giang	Công ty liên kết	Gia công	5.569.396.842	-
		Gia công	-	-
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên kết	Gia công	6.504.879.468	8.905.848.274

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư các khoản phải thu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên kết	Phải thu khác	916.360.718	916.360.718
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải thu khách hàng	28.946.720	85.641.160
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	72.016.898.321	4.677.518.287
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	52.582.025.468	51.028.896.615
	Công ty liên kết	Phải thu khác	28.903.410.958	28.035.602.739
	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán	5.329.605.609	5.326.799.836
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Phải thu khách hàng	37.159.151.729	37.230.675.929
	Công ty con	Phải thu khác	-	17.530.000
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải thu khách hàng	3.533.770.636	4.103.693.847
	Công ty con	Phải thu khác	2.664.963.636	3.255.540.000
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng	357.264.295	109.427.837
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	2.974.850.000	2.479.850.000
	Công ty con	Phải thu khác	18.723.906.849	18.337.112.329
	Công ty con	Trả trước cho người bán	16.605.796.500	16.665.565.834

Số dư các khoản phải trả với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên kết	Phải trả người bán	4.159.560.497	625.588.378
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải trả người bán	446.058.502	2.225.683.327
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	9.379.227.006	7.673.450.476
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả người bán	8.295.387.622	4.958.701.392
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải trả người bán	13.210.867.597	6.099.930.724
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Phải trả người bán	2.519.291.296	6.810.397.224
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải trả người bán	11.583.023.428	7.940.085.896
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải trả người bán	5.653.121.360	9.154.959.783

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.492.905.554	186.336.871.446
Phải thu khách hàng và phải thu khác	566.894.628.701	801.606.867.196
Tổng	625.387.534.255	987.943.738.642
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.456.107.404.096	1.535.225.878.645
Phải trả người bán và phải trả khác	303.533.519.696	366.317.421.418
Chi phí phải trả	18.129.441.937	28.733.732.765
Tổng	1.777.770.365.729	1.930.277.032.828

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2019			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	298.709.941.484	4.823.578.212	303.533.519.696
Chi phí phải trả	18.129.441.937	-	18.129.441.937
Các khoản vay	1.398.304.190.677	57.803.213.419	1.456.107.404.096
Tổng	1.715.143.574.098	62.626.791.631	1.777.770.365.729
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2019			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	360.967.648.738	5.349.772.680	366.317.421.418
Chi phí phải trả	28.733.732.765	-	28.733.732.765
Các khoản vay	1.475.022.665.226	60.203.213.419	1.535.225.878.645
Tổng	1.864.724.046.729	65.552.986.099	1.930.277.032.828

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2019			
Tiền và các khoản trưng đương tiền	58.492.905.554	-	58.492.905.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	549.819.408.701	17.075.220.000	566.894.628.701
Tổng	608.312.314.255	17.075.220.000	625.387.534.255
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2019			
Tiền và các khoản trưng đương tiền	186.336.871.446	-	186.336.871.446
Phải thu khách hàng và phải thu khác	778.214.385.235	23.392.481.961	801.606.867.196
Tổng	964.551.256.681	23.392.481.961	987.943.738.642

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN

6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc



Võ Nguyễn Thùy Dung

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân

